

Số: 36 /TB-HVPNVN

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2024

**THÔNG BÁO**  
**Về việc điều chỉnh thời gian tuyển sinh đào tạo**  
**trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2024**

Căn cứ thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông báo số 14/TB-HVPNVN ngày 01/02/2024 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam về việc thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2024;

Học viện Phụ nữ Việt Nam thông báo điều chỉnh thời gian tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2024 như sau:

**I. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH**

STT	Tên ngành	Tên mã	Chỉ tiêu
1	Quản trị kinh doanh	8340101	10
2	Công tác xã hội	8760101	15
3	Luật	8380101	15

Các chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng.

Chỉ tiêu xét tuyển còn lại của đợt 1 sẽ chuyển sang xét tuyển đợt 2.

**II. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO**

- Thời gian đào tạo: 02 năm.

- Hình thức đào tạo: vừa làm vừa học

**III. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG THỨC, THỜI GIAN TUYỂN SINH**

**3.1. Đối tượng tuyển sinh**

Đối tượng dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam và người nước ngoài đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp các ngành khác và đã được học bổ sung kiến thức<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng tham khảo theo Phụ lục 2. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và ngành khác Quản trị kinh doanh phải học bổ sung kiến thức, từ 04 học phần đến 07 học phần tham khảo theo Phụ lục 3; ngành Công tác xã hội phải học bổ sung kiến thức, từ 04 học phần đến 07 học phần tham khảo theo Phụ lục 4; ngành Luật phải học bổ sung kiến thức, từ 04 học phần đến 08 học phần tham khảo theo Phụ lục 5.



b- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục I (đính kèm) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

c- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

d- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận. Có đủ sức khỏe để học tập.

e- Nộp hồ sơ dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện.

f- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và đáp ứng các Điểm a, d Khoản 1 Điều này (lý lịch và nhân thân của thí sinh cần được Đại sứ quán xác nhận, trường hợp cần thiết có thể lấy thêm xác nhận của cơ quan an ninh văn hóa).

*\* Những thí sinh dự tuyển chưa đủ điều kiện về ngoại ngữ, Học viện sẽ hỗ trợ, kết nối với những cơ sở giáo dục đủ điều kiện tổ chức thi (Phụ lục I) để đạt chuẩn trước khi dự thi tuyển sinh.*

## **3.2. Phương thức tuyển sinh**

**3.2.1. Xét tuyển thẳng:** Thí sinh đã tốt nghiệp đại học trong thời gian 2 năm (đến thời điểm tuyển sinh thạc sĩ) có mức xếp loại tốt nghiệp từ loại Giỏi trở lên được xét tuyển thẳng thạc sĩ ngành/chương trình đào tạo tương ứng; trong trường hợp bằng tốt nghiệp đại học của thí sinh không đúng ngành, thí sinh phải học bổ sung kiến thức theo quy định để đảm bảo quyền ưu tiên tuyển thẳng.

**3.2.2. Xét tuyển theo hình thức trình bày bài luận và phỏng vấn:** Người dự tuyển không thuộc đối tượng trên tham gia xét tuyển theo hình thức trình bày bài luận và phỏng vấn (hướng dẫn mẫu bài luận theo Phụ lục 7).

## **3.3 Thời gian tuyển sinh**

**3.3.1. Thời gian nộp hồ sơ:** từ ngày 15/3/2024 đến ngày 31/3/2024.

**3.3.2. Thời gian xét tuyển dự kiến:** từ ngày 04 – 10/4/2024.

**3.3.3. Thời gian công bố kết quả và phúc khảo (nếu có) dự kiến:** từ ngày 11-15/4/2024.

**3.3.4. Thời gian nhập học dự kiến:** ngày 03/5/2024.

HỌC  
PHI  
VIỆT





## IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

### 4.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ hai năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học, cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ hai năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Mức ưu tiên: Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả trường hợp một người có nhiều nội dung ưu tiên) theo quy định tại Khoản 1 Điều này được cộng vào kết quả đánh giá 10 điểm trong phiếu đánh giá xét tuyển hoặc trong tổng điểm thi của thí sinh.

## IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN, HỌC PHÍ DỰ KIẾN

### 4.1. Hồ sơ tuyển sinh:

- Thí sinh tải các loại mẫu giấy tờ có trong hồ sơ tuyển sinh từ website, hoàn thiện và nộp theo thời gian quy định (Phụ lục 6 kèm theo).

- Lệ phí nộp hồ sơ: 200.000 đồng.

- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng.

- Chi phí hướng dẫn làm bài luận 600.000 đồng.

- Địa điểm nhận hồ sơ:

+ Học viện Phụ nữ Việt Nam - Trụ sở chính: số 68 đường Nguyễn Chí Thanh - Quận Đống Đa - Hà Nội.

+ Học viện Phụ nữ Việt Nam - Cơ sở thành phố Hồ Chí Minh: 620 Đỗ Xuân Hợp, phường Phước Bình, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian khai giảng dự kiến: Tháng 5/2024.

### 4.2. Học phí dự kiến:

Năm học 2024 – 2025 Học viện dự kiến thu học phí như sau:

- Ngành Quản trị kinh doanh: 11.540.000 đồng/kỳ.

- Ngành Công tác xã hội: 12.675.000 đồng/kỳ.



- Ngành Luật: 11.540.000 đồng/kỳ.

\* *Mức học phí được áp dụng theo quy định đối với trường công lập, có điều chỉnh theo năm học; học phí cụ thể, Học viện sẽ thông báo trong thông báo trúng tuyển và nhập học.*

Mọi thông tin chi tiết, xin liên hệ: Phòng Đào tạo, Học viện Phụ nữ Việt Nam,  
Điện Thoại: (HN) 02437.751750; 0912347895; 0912.991355.

(TP.HCM) 0283.897.8169; 0978.181.772.

Website Học viện: [www.hvpnv.vn](http://www.hvpnv.vn); email: [tuyensinh@vwa.edu.vn](mailto:tuyensinh@vwa.edu.vn).

**Nơi nhận:**

- Hội LHPN Việt Nam cấp TW, tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Website Học viện;
- Lưu ĐT, VT.



**Trần Quang Tiến**







## PHỤ LỤC I.

### BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành theo Quyết định số 101/QĐ-HVPNVN ngày 28/02/2022 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Theo Thông tư số: 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0-5.0	5.5-6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/Linguaskill Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe-Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga		ТРКИ-1	ТРКИ-2

2. Các trường đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tổ chức thi, cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam đến thời điểm ban hành Quy chế này<sup>2</sup>.

- Danh sách các trường đại học được cấp phép tính đến tháng 02/2022<sup>3</sup>

1. Trường ĐH Sư phạm TP HCM
2. Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học Huế
3. Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia HN
4. Trường ĐH Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5. Đại học Thái Nguyên
6. Trường ĐH Cần Thơ
7. Trường ĐH Hà Nội
8. Trường ĐH Sư phạm Hà Nội
9. Trường ĐH Vinh
10. Học viện An ninh Nhân dân
11. Trường Đại học Sài Gòn
12. Trường ĐH Ngân hàng Thành phố HCM
13. Trường ĐH Trà Vinh
14. Trường ĐH Văn Lang
15. Trường ĐH Quy Nhơn
16. Trường ĐH Tây Nguyên
17. Trường ĐH Công nghiệp TP HCM
18. Học viện Báo chí và Tuyên truyền
19. Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP HCM
20. Học viện Khoa học quân sự
21. Trường Đại học Thương mại

<sup>2</sup> Trong trường hợp Danh sách các trường Bộ GD&ĐT có sự thay đổi số lượng dưới đây, thì sẽ áp dụng theo văn bản mới nhất của Bộ GD&ĐT tại thời điểm thí sinh nộp hồ sơ tuyển sinh/hoặc Học viện sẽ có trong Thông báo tuyển sinh hằng năm.

<sup>3</sup> Nguồn: <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giaoduc/Pages/Default.aspx?ItemID=8386>



## PHỤ LỤC 2 DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP<sup>4</sup>

(Kèm theo Thông báo số 36/TB-HVPNVN ngày 14/3/2024  
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

### 1. Ngành Quản trị kinh doanh

STT	Ngành	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	
2	Kinh doanh thương mại	

### 2. Ngành Công tác xã hội

STT	Ngành	Ghi chú
1	Công tác xã hội	
2	Công tác thanh thiếu niên	
3	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	

### 3. Ngành Luật

STT	Ngành	Ghi chú
1	Luật	
2	Luật hiến pháp và luật hành chính	
3	Luật dân sự và tố tụng dân sự	
4	Luật hình sự và tố tụng hình sự	
5	Luật kinh tế	
6	Luật quốc tế	
7	Luật Thương mại quốc tế	
8	Luật Kinh doanh	
9	Các ngành Luật khác	

<sup>4</sup> Thí sinh tốt nghiệp những ngành này sẽ không phải học bổ sung kiến thức của ngành tuyển sinh thạc sĩ tương ứng







**PHỤ LỤC 3**  
**DANH MỤC NGÀNH KHÁC NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**(PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC)**

(Kèm theo Thông báo số 36 /TB-HVPNVN ngày 14 / 3 /2024  
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Thí sinh tốt nghiệp đại học nhóm ngành: Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Kế toán - Kiểm toán; Quản trị - Quản lý phải học bổ sung kiến thức 4 môn (12 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	3
	<b>Tổng số</b>	12

2. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Quản trị kinh doanh phải học bổ sung kiến thức 7 học phần (21 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế vi mô	3
2	Kinh tế vĩ mô	3
3	Quản trị học	3
4	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3
5	Quản trị marketing	3
6	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3
7	Quản trị nguồn nhân lực	3
	<b>Tổng số</b>	21

\* Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà Học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu các học phần ở trên trùng với học phần có trong bảng điểm đại học.



**PHỤ LỤC 4**  
**ĐANH MỤC NGÀNH NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**  
**(PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC)**  
(Kèm theo Thông báo số 36 /TB-HVPNVN ngày 14/3 /2024  
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành/nhóm ngành: Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Điều dưỡng, Hộ sinh, Dinh dưỡng, Y tế công cộng, Tổ chức và quản lý y tế, Quản lý bệnh viện, Giới và Phát triển phải học bổ sung kiến thức 4 môn (11 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	An sinh xã hội	2
2	Công tác xã hội cá nhân	3
3	Công tác xã hội nhóm	3
4	Phát triển cộng đồng	3
	<b>Tổng số</b>	11

2. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Công tác xã hội phải học bổ sung kiến thức 7 môn (19 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	An sinh xã hội	2
2	Chính sách xã hội	2
3	Hành vi con người và môi trường xã hội	3
4	Nhập môn Công tác xã hội	3
5	Công tác xã hội cá nhân	3
6	Công tác xã hội nhóm	3
7	Phát triển cộng đồng	3
	<b>Tổng số</b>	19

\* Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà Học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu các học phần ở trên trùng với học phần có trong bảng điểm đại học.





**PHỤ LỤC 5**  
**DANH MỤC NGÀNH KHÁC NGÀNH LUẬT**  
**(PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC)**

(Kèm theo Thông báo số 36 /TB-HVPNVN ngày 14/3 /2024  
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành: Chính trị học, Quản lý nhà nước, Hành chính công phải học bổ sung kiến thức 04 môn (15 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Luật Hiến pháp	3
2	Luật Hành chính	4
3	Luật Dân sự	4
4	Luật Hình sự	4
	<b>Tổng số</b>	15

2. Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành/nhóm ngành: Kinh tế học, Xã hội học, Tâm lý học, Báo chí và Truyền thông, Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Kinh doanh và quản lý phải học bổ sung kiến thức 08 học phần (28 tín chỉ), bao gồm:

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	4
2	Luật Hiến pháp	3
3	Luật Hành chính	4
4	Luật Dân sự	4
5	Luật Hình sự	4
6	Luật Doanh nghiệp	3
7	Luật Công pháp quốc tế	3
8	Luật Tư pháp quốc tế	3
	<b>Tổng số</b>	28

\* Tùy vào các chuyên ngành cụ thể học ở bậc đại học mà Học viên có thể được miễn, giảm các học phần chuyển đổi, nếu các học phần ở trên trùng với học phần có trong bảng điểm đại học.





## PHỤ LỤC 6 DANH MỤC HỒ SƠ TUYỂN SINH

(Kèm theo Thông báo số 36 /TB-HVPNVN ngày 14/ 3 /2024  
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu trên website Học viện: [www.hvpnv.edu.vn](http://www.hvpnv.vn));
2. Sơ yếu lý lịch;
3. Giấy khám sức khỏe;
4. Công văn cử cán bộ đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan (nếu có);
5. Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp đại học và Bảng điểm đại học;
6. Bản sao chứng thực Bằng/ Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có);
7. Phong bì có dán tem: 02 chiếc và 02 ảnh cỡ 3x4 ghi rõ họ tên, địa chỉ liên hệ, điện thoại, email;
8. Giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có).





## PHỤ LỤC 7 BÀI LUẬN CHUYÊN NGÀNH DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

### Trang 1

Gồm những thông tin sau:

Họ và tên thí sinh: .....

Cơ quan công tác: .....

Chuyên ngành dự tuyển: .....

Mã số chuyên ngành: .....

Tiêu đề bài luận: .....

### Trang 2 và các trang tiếp theo

Bài luận dài không quá 3000 từ, cho thấy ứng viên phù hợp với ngành đăng kí dự tuyển, tập trung vào những gợi ý sau:

1. Mục đích, lí do đăng kí xét tuyển vào Học viện Phụ nữ Việt Nam
2. Lí do lựa chọn ngành, chuyên ngành đăng kí xét tuyển
3. Mục tiêu nghề nghiệp tương lai
4. Vấn đề quan tâm, dự kiến và đề xuất hướng nghiên cứu ứng dụng. **Bài luận dự tuyển chuyên ngành theo định hướng nghiên cứu/ứng dụng cần tập trung vào các dự kiến nghiên cứu/ứng dụng tương ứng.**

**Bài luận chuyên ngành theo định hướng nghiên cứu/ứng dụng cần tập trung vào các dự kiến nghiên cứu/ứng dụng tương ứng.**

Bài luận chuyên ngành của người xét tuyển có nội dung phù hợp với chuyên ngành đăng kí dự tuyển trình độ thạc sĩ, phản ánh trí tuệ, những điểm mạnh và tích cực của người viết, văn phong trong sáng, trình bày rõ ràng, qua đó cung cấp một hình ảnh rõ nét về người dự tuyển, với những thông tin mới (không lặp lại những thông tin đã hiển thị trong hồ sơ như kết quả học tập, nghiên cứu...).

*Một số quy định:*

- Không đưa thông tin cá nhân của ứng viên như họ tên vào các trang trong bài luận ngoại trừ trang 1.

- Thí sinh phải tự viết bài luận, không đánh máy.

- Lệ của trang giấy viết bài luận: lề trên 2,0 cm; lề dưới 2,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm.

- Đánh số trang trên tổng số trang ở phía dưới và giữa mỗi trang giấy (VD: 1/5...5/5)

- Thí sinh cần đảm bảo chất lượng của bản scan bài luận. Nếu scan thiếu trang, thiếu phần hoặc có phần chữ mờ không đọc được thì thí sinh không được chấm điểm phần đó.



HỌC VIỆN  
HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM  
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2024

Ảnh  
(3 x 4)  
*(Đóng dấu giáp  
lai của cơ quan  
quản lý hoặc  
chính quyền địa  
phương)*

### 1. SƠ YẾU LÝ LỊCH

Họ và tên (viết in hoa): .....Giới tính: .....  
Ngày sinh:..... Nơi sinh (tỉnh): .....Dân tộc:.....  
Điện thoại (ĐD): ..... (NR): .....  
(CQ): ..... Email: .....  
Địa chỉ liên hệ (nếu nhắn qua người khác đề nghị ghi cụ thể): .....

#### Đối tượng dự thi (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng)

- Cán bộ, công chức nhà nước.....
- Thí sinh tự do.....
- Đối tượng khác (ghi rõ) (DNNN, liên doanh, TNHH, cổ phần, ...).....

Đối tượng ưu tiên (Thương binh, dân tộc, công tác tại hải đảo, miền núi, . . ) .....

### 2. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Bằng đại học thứ nhất

Cơ sở đào tạo: ..... Quốc gia đào tạo: .....  
Chuyên ngành:..... Xếp loại tốt nghiệp: .....  
Hệ đào tạo: ..... Năm tốt nghiệp: .....

#### 2.2. Bằng đại học thứ hai (nếu có)

Cơ sở đào tạo: ..... Quốc gia đào tạo: .....  
Chuyên ngành:..... Xếp loại tốt nghiệp: .....  
Hệ đào tạo: ..... Năm tốt nghiệp: .....

### 3. CÔNG VIỆC HIỆN NAY (ghi rõ chuyên môn, chức vụ, cơ quan công tác)

.....

### 4. ĐẠT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ TỪ BẬC 3 TRỞ LÊN THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM:.....

### 5. NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ THI : .....

### 6. ĐĂNG KÝ THỜI GIAN HỌC SAU KHI TRÚNG TUYỂN

(Thí sinh lựa chọn thời gian học nào, đánh dấu ✓ vào ô tương ứng, không thay đổi sau khi nhập học)

- **Buổi tối:** (từ thứ 2 đến thứ 6, thời gian học: 1.5 năm, viết và BVLV: 0.5 năm).....
- **Cuối tuần:** (tối thứ sáu, sáng+chiều: thứ bảy+chủ nhật, thời gian học: 1.5 năm, viết và BVLV: 0.5 năm) ...

Ghi chú: - Thời gian học: Sáng: 8<sup>h00</sup> - 12<sup>h00</sup>; Chiều: 13<sup>h30</sup> - 17<sup>h40</sup>; Tối: 18<sup>h00</sup> - 20<sup>h30</sup>

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN/CQ ĐỊA PHƯƠNG

CAM ĐOAN CỦA THÍ SINH

.....  
.....

.....  
.....

Ngày ..... tháng ..... năm 2024  
Thủ trưởng đơn vị/CQ địa phương  
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày ..... tháng ... năm 2024  
Thí sinh đăng ký dự thi  
(Ký và ghi rõ họ tên)